

Số: /BC-UBND

Yên Phong, ngày 06 tháng 11 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Đông Phong, huyện Yên Phong

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 và Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 1370/HD-SNN ngày 06/8/2024 (thay thế Hướng dẫn số 828/HD-SNN ngày 06/6/2023) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Đông Phong tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/10/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Phong, UBND huyện Yên Phong báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Đông Phong, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 25/10/2024 đến ngày 30/10/2024):

1. Về hồ sơ:

- Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/10/2024 của UBND xã Đông Phong đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Biên bản họp ngày 22/10/2024 của UBND xã Đông Phong đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 03/10/2024 của UBND xã Đông Phong về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

- Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Đông Phong về tổng hợp ý kiến tham gia của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Báo cáo của UBND xã Đông Phong về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã.

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

- Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết số 77a-NQ/ĐU ngày 22/12/2023 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 376/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Phong, giai đoạn 2022-2025.

- Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 29/12/2024 về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Phong, giai đoạn 2022-2025.

- Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 29/12/2023 về thực hiện xây dựng xã Đông Phong đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2.2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:

a) Công tác truyền thông.

- Bằng nhiều hình thức khác nhau như tuyên truyền trực quan, tuyên truyền qua mạng xã hội như Facebook, Zalo và đặc biệt là hệ thống truyền thanh của xã với thời lượng hàng ngày từ 20-30 phút về các chủ trương, chính sách, các công việc đã thực hiện trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, photo tài liệu cho cán bộ xã, cán bộ thôn, các cán bộ chi hội, chi đoàn

- Treo băng rôn, khẩu hiệu, cờ, phướn, tại nhà văn hóa các thôn, tại các điểm công cộng, các trục đường chính trong xã.

- Thông qua công tác tuyên truyền đã nâng cao được nhận thức cho từng cán bộ, đảng viên và nhân dân, các hộ kinh doanh, HTX, các mô hình phát triển kinh tế, hiểu sâu hơn về chương trình xây dựng NTM nâng cao. Các đồng chí cán bộ Đảng viên làm nòng cốt, tiên phong trong phong trào thi đua này để người dân noi theo. Từ đó nhân dân đã xác định vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

- BCD xã phối hợp với các đơn vị có liên quan mở các lớp tập huấn cho thành viên Ban chỉ đạo xã và thôn, đảm bảo theo đúng quy định và đã thu được nhiều kết quả trong chỉ đạo về xây dựng NTM nâng cao ; nội dung tập huấn bám sát các văn bản hướng dẫn, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng NTM nâng cao. Tổ chức các đợt tham quan, học tập kinh nghiệm xây dựng NTM nâng cao ở nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh.

- UBND xã đã tổ chức hội nghị triển khai nội dung quy định mới về việc thực hiện 19 tiêu chí xã NTM nâng cao theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 và Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Hướng dẫn số 1370/HD-SNN ngày 06/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 cho

các đồng chí là Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và cấp ủy các thôn, toàn thể các thành viên Ban chỉ đạo.

2.3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

Để tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, trong những năm qua địa phương đã tích cực du nhập, nhân rộng và phát triển các mô hình sản xuất mới, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ, đưa các loại cây trồng vật nuôi có hiệu quả cao vào sản xuất. Về lĩnh vực trồng trọt, địa phương đã quy hoạch thành các vùng chuyên canh sản xuất lúa năng suất chất lượng hiệu quả cao bằng các loại giống lúa lai, lúa thuần năng suất chất lượng cao. Vận động Nhân dân chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, vùng sản xuất rau an toàn....từ các mô hình trên đã thu hút thêm lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, từ đó đã nâng cao giá trị trên đơn vị canh tác mang lại thu nhập đáng kể cho nhân dân. Thu nhập bình quân đầu người hàng năm đều tăng.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Các ngành, nghề sản xuất, thương mại, dịch vụ được chú trọng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Hiện nay trên địa bàn xã có gần 100 cơ sở thu gom, phân loại phế liệu, 12 hộ sản xuất đồ gỗ, mỹ nghệ, 15 hộ gia công cơ khí.....ngoài ra còn có hơn 100 hộ kinh doanh tạp hóa, hàng ăn và gần 200 nhà trọ trên địa bàn. Hàng năm, nguồn thu từ các ngành nghề sản xuất, thương mại, dịch vụ đã góp phần nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân trong xã, tạo công ăn việc làm cho lao động tại chỗ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình trạng phát triển nhanh về các nhà trọ, các sở sản xuất kinh doanh dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống của người dân.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

- Được sự chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự hưởng ứng tích cực của các ban, ngành, các tổ chức đoàn thể từ xã đến thôn, các doanh

nghiệp và sự nỗ lực của nhân dân xã nhà nên đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhất là hộ nghèo, hộ chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội.

- Các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai và nhân rộng nhiều mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phối hợp với Ngân hàng chính xã hội huyện hỗ trợ vay vốn đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển sản xuất của hội nông dân, hội phụ nữ, hội Cựu chiến binh, đoàn thanh niên....số vốn các tổ chức hội được ủy thác quản lý trên 10 tỷ đồng.. Trong nhiều năm qua, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đáng kể. Phấn đấu năm 2024, xã Đông Phong không còn hộ nghèo.

- Hàng năm MTTQ phát động cuộc vận động “quỹ vì người nghèo”, phong trào được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hưởng ứng tích cực, thể hiện tình cảm tương thân, tương ái, tính nhân văn sâu sắc, góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và phong trào toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới.

2.4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tổng kinh phí đã thực hiện hơn 300 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách TW: không có.
- Ngân sách tỉnh: hơn 40 tỷ đồng, khoảng 13,5%;
- Ngân sách huyện: hơn 10 tỷ đồng, khoảng 3,5 %;
- Ngân sách xã – Nhân dân góp: hơn 250 tỷ đồng, khoảng 83 %

3. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:

Xã Đông Phong đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 tại Quyết định 1541/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh V/v công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016. Đến nay xã vẫn tiếp tục duy trì và đảm bảo yêu cầu của 19/19 tiêu chí thuộc bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

4. Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng còn thời hạn, hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng còn thời hạn, hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- UBND xã Đông Phong nằm trong quy hoạch các phân khu phía Đông Bắc thị trấn Chờ, phân khu phía Đông Nam thị trấn Chờ và phân khu phía Đông huyện Yên Phong, cụ thể như sau:

- Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu vực phía Đông huyện Yên Phong (phân khu số 5).

- Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu vực phía Đông Bắc Chờ, huyện Yên Phong (phân khu số 3).

- Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu vực phía Đông Nam thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (phân khu số 25).

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Thực hiện quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch căn cứ theo văn bản số 552/UBND-KTHT ngày 16/4/2024 của UBND huyện Yên Phong V/v hướng dẫn tạm thời một số nội dung làm cơ sở cấp phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng các công trình nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện Yên Phong.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

- Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND huyện Yên Phong v/v phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 xây dựng xã Đông Phong, định hướng lên phường.

- Khu nhà ở đầu giá QSDĐ tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại thôn Đông Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong;

- Điểm dân cư nông thôn thôn Đông Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Khu nhà ở dân cư dịch vụ thôn Phong Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Khu nhà ở đầu giá QSDĐ và dân cư dịch vụ thôn Đông Yên, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Khu nhà ở và dịch vụ cho công nhân viên Khu công nghiệp Yên Phong tại xã Đông Phong, huyện Yên Phong.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt

4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

2.2. Tỷ lệ đường thôn, và đường liên thôn

a. Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ

b. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

- Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, UBND xã đã bố trí nguồn kinh phí để cải tạo, nâng cấp, bảo trì 100% (3,3/3,3km) các tuyến đường xã đảm bảo sáng - xanh - sạch -

đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể định kỳ hàng tháng, hàng tuần phát động phong trào “Ngày chủ nhật xanh”, giao các tuyến đường cho các chi hội thực hiện “tuyến đường tự quản” đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.2. Tỷ lệ đường thôn, và đường liên thôn

a. Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ

- Hiện tại, tất cả các tuyến đường thôn và đường liên thôn đều được cứng hóa, đảm bảo xe cộ đi lại thuận tiện quanh năm. Khối lượng: 9,7 km / 9,7 km = 100%.

b. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Hiện tại, 100% các tuyến đường thôn và đường liên thôn đều có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Khối lượng: 40/40 điểm = 100%.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Hiện tại, tất cả các tuyến đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo xe cộ đi lại thuận tiện quanh năm. Khối lượng 25,9 km / 25,9 km = 100%.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

- Hiện tại, cơ bản các tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. Còn một số tuyến ở đồng Đông Xá sẽ tiếp tục được đầu tư thực hiện đổ bê tông trong năm 2024. Khối lượng 21,3 km / 21,3 km = 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 2 về Giao thông: Đạt.

4.3 Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 20\%$.

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm $\geq 100\%$.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động là 473/486 ha đạt 97,3%

1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới chủ động (ha)
1	Cây hàng năm		
	Lúa xuân	230	230
	Lúa hè thu		
	Lúa mùa	230	230
	Rau, màu	26	13
2	Cây lâu năm		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		
	Tổng cộng	486	473
	T _{tưới} (%)	(473/486)*100%= 97,3%	

2. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động

TT	Loại đất phân theo mục đích sử dụng đất	Diện tích gieo trồng cần tiêu theo kế hoạch (ha)	Diện tích thực tế được tiêu chủ động (ha)
1	Cây hàng năm		
	Lúa xuân	230	230
	Lúa hè thu		
	Lúa mùa	230	230
	Rau, màu	26	13
2	Cây lâu năm		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		
	Tổng cộng	486	473
	T _{tiêu} (%)	(473/486)*100% = 97,3%	

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đương, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Yên Phong là đơn vị thực hiện công tác tưới tiêu nông nghiệp.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 20\%$.

- Đối với cây lúa:

Số diện tích lúa được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 460/460 ha đạt tỷ lệ 100%.

Đối với cây lúa:

TT	Vụ sản xuất	Diện tích gieo trồng lúa theo quy hoạch/kế hoạch của xã (ha)	Diện tích gieo trồng lúa thực tế áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước (ha)	Ghi rõ biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước được áp dụng
1	Vụ đông xuân	230	230	Áp dụng biện pháp tưới ướt khô xen kẽ.
2	Vụ hè thu			
3	Vụ mùa	230	230	
	Tổng cộng	460	460	

	TK(%)	(460/460)*100%= 100%	
--	-------	----------------------	--

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm $\geq 100\%$.

- 100% hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng đều được các Tổ trưởng tổ hợp tác, giám đốc HTX thường xuyên nạo vét, khơi thông, vét bùn, bảo trì hàng năm, hàng vụ, đảm phục vụ sản xuất cho nhân dân.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:

- UBND xã có thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp.

Bảng: Thống kê nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

TT	Tên kênh mương - Công trình	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ tổ chức/cá nhân xả thải	Vị trí xả thải		Loại nước thải	Lưu lượng xả	Chế độ xả	Biện pháp xử lý	Giấy phép (có ghi C, không ghi K)
				Địa giới hành chính	Vị trí trên kênh					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Kênh Phong Xá	Các hộ dân trong thôn	Phong Xá	Phong Xá	Cổng Phong Xá	Nước thải sinh hoạt	260.000 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	không
2	Kênh Phong Năm	Các hộ dân trong thôn	Phong Năm	Phong Năm	Cổng Phong Năm	Nước thải sinh hoạt	120.000 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	không
3	Kênh Đông Xá	Các hộ dân trong thôn	Đông Xá	Đông Xá	Cổng Đông Xá	Nước thải sinh hoạt	250.000 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	không
4	Kênh Đông Yên	Các hộ dân trong thôn	Đông Yên	Đông Yên	Cổng Đông Yên	Nước thải sinh hoạt	200.000 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	không

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Xã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn; Phân công cụ thể, thể hiện rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng thành viên Ban chỉ huy; 100% cán bộ, công chức tham gia trực tiếp công tác, phòng, chống thiên tai. Hàng năm xã tổ chức hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cho Ban chỉ huy và 100% số đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

- Xã ban hành đầy đủ các văn bản, hướng dẫn về công tác phòng, chống thiên tai, đảm bảo được triển khai chủ động và có hiệu quả, ứng phó được các loại hình thiên tai, thường xuyên xảy ra trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ”; thực hiện phê duyệt các phương án PCTT theo đúng quy định của Luật.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với mưa lớn. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai: Đạt

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

Trên địa bàn toàn xã có 2683 hộ /2683 hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định, đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 4 về Điện: Đạt

4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi .

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ. Mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. Khá

5.6 Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Trường mầm non Đông Phong có 04 khu đặt tại thôn Phong Năm có diện tích là 3000 m², thôn Đông Xá có diện tích 8500 m², thôn Đông Yên có diện tích 4814 m² và khu Trung tâm chính đặt tại thôn Phong Xá với diện tích là 7575 m². Năm 2022 nhà trường đã được đánh giá được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 601/QĐ- UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường tiểu học Đông Phong được xây dựng trên khuôn viên có diện tích 7872,4m². Trường có khuôn viên riêng biệt. Các dãy lớp học, khu nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn được xây dựng liên kết theo hình chữ nhật không khép kín bám sát tường bao. Cơ cấu các khối lớp học được bố trí hợp lý, các lớp học sạch sẽ và thoáng mát. Trong đó khu phòng học cơ bản có 34 lớp đạt tiêu chuẩn và quy cách, đảm bảo mỗi lớp một phòng học riêng. Khu phòng học bộ môn gồm 1 phòng Ngoại ngữ, 1 phòng Tin học, 1 phòng Âm nhạc, 02 phòng đọc thư viện. Khu nhà hiệu bộ khang trang có đầy đủ các phòng làm việc, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng truyền thống,...Hiện nhà trường đang xây dựng thêm 1 điểm trường số 2 có diện tích 16.000 m². Trường tiểu học Đông Phong nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba năm 2009. Trường được công nhận Trường tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 tháng 7 năm 2009, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 tháng 8 năm 2010, được công nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ 2 lần 1 năm 2016, được công

nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ 2 lần 2 tại Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường THCS Đông Phong có diện tích 13.672m² khang trang, rộng rãi với 01 công trình nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, 01 công trình nhà hiệu bộ có đủ phòng làm việc cho khối hành chính – quản trị, 01 công trình nhà chức năng với 3 phòng học bộ môn, 04 phòng học thông thường, 01 thư viện, 01 phòng thiết bị dùng chung, 01 nhà đa năng ,có tường rào, cổng trường biển trường, nhà để xe cho CBGV, HS, sân chơi, bãi tập đảm bảo điều kiện tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Nhà trường luôn giữ vững danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Tháng 12 năm 2016, nhà trường được công nhận là trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 - 2021. Tháng 12 năm 2017, nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt mức độ 3 và được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 lần 2 tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Hàng năm Trường mầm non Đông Phong đều có kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi và có quyết định kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi.

- Nhà trường trong nhiều năm liền duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3.

5.3.1. Phổ cập giáo dục TH: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH mức độ 3

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên

- Tổng số: 58 = 100% đạt chuẩn về trình độ đào tạo

Trong đó, Quản lý: 3 ; Giáo viên: 52; nhân viên: 03

- Tổng số Giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp: 52/52 = 100% .

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 52/52 = 100%

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công: 3

b. Về cơ sở vật chất

- Tỷ lệ phòng học trên lớp là: $34/34 = 1,0$; Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng có bàn ghế của giáo viên, có điều hòa, đủ ánh sáng ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động đội, phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên;

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định, tại thông tư số 07/2016/TT – BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Sân chơi và bãi tập diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; Môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, có hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh, sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh.

5.3.2. Phổ cập giáo dục THCS: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên

- Tổng số: $42 = 100\%$ đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

Trong đó: Quản lý: 2

- Tỷ lệ giáo viên trên lớp: $37/19$

- Số viên chức làm thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng: 03

- Số GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo: $35/35 = 100\%$

- Số GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp GV THCS: $35/35 = 100\%$

- Số Giáo viên hợp đồng: 02

- Số Giáo viên đoàn đội: 1

- Số Giáo viên cộng đồng: 0

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công: 2

b. Về cơ sở vật chất

- Tỷ lệ phòng học trên lớp là: $19/19 = 1$; Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, có bàn ghế của giáo viên, có điều hòa, đủ ánh sáng ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng chức năng, phòng đa năng, phòng thí nghiệm, phòng truyền thống và hoạt động đội, phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên; Phòng tổ chuyên môn.

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định, tại thông tư số 07/2016/TT – BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

- Sân chơi và bãi tập diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; Môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, có hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh, sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ. Mức độ 2.

5.4.1. Phổ cập giáo dục MN

- Số trẻ huy động ra lớp 5 tuổi là: 243/243 đạt tỷ lệ 100%
- Số trẻ 5 tuổi học hai buổi/ ngày là: 243/243 đạt tỷ lệ 100%
- Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN: 256/256 = 100%
- Số trẻ Khuyết tật được tiếp cận GD : 1= 50%

5.4.2. Phổ cập giáo dục TH:

- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 256/256 = 100%
- Trẻ 11 tuổi HTCTTH: 217/221 = 98,19%
- Trẻ 11 tuổi đang học TH: 4/221 = 1,81 %
- Trẻ đến 14 tuổi HTCTTH: 874/878 = 99,54%
- Trẻ KT có khả năng HT được tiếp cận GD:6

5.4.3. Phổ cập giáo dục THCS.

- + Tỷ lệ trẻ (11-14) tuổi HTCT TH: 874/878 = 99,54%
- + Tỷ lệ HS TN HTCT vào học lớp 6 (2 hệ): 217/217= 100%
- + Tỷ lệ HS TN THCS (2 hệ) năm học vừa qua: 204/204 = 100 %
- + Tỷ lệ Thanh thiếu niên (15- 18) tuổi TNTHCS (2 hệ): 720/730 = 98,63%
- +Tỷ lệ TTN (15- 18) tuổi đang học GDPT, GDTX cấp THPT hoặc GDNN:
715/720 = 98 %
- + TTN KT được tiếp cận GD: 4 = 100%

5.4.4. Xóa mù chữ:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 3871/3871 = 100 %.
- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 7289/7289 = 99, 97%.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. Tốt

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Tại 4 khu của trường mầm non Đông Phong đều có các dụng cụ vui chơi, sân cỏ...đáp ứng hoạt động thể chất của trẻ.

- Trường tiểu học Đông Phong có nhà đa năng với diện tích 500 m², sân chơi, có đầy đủ dụng cụ, mô hình tạo điều kiện cho học sinh phát triển thể lực, kỹ năng sức bền: Bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông,

- Trường THCS Đông Phong có nhà đa năng diện tích 350 m², khu bể bơi 560m², sân chơi bãi tập, dụng cụ, mô hình tạo điều kiện cho học sinh phát triển thể lực, kỹ năng sức bền...

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục: Đạt

4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm Văn hóa – thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. 100% thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm Văn hóa – thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã.

- Tại các điểm công cộng như nhà văn hóa các thôn, khuôn viên xung quanh bờ kè ao.... đều được lắp đặt dụng cụ thể thao phục vụ nhân dân, cụ thể đã lắp đặt tại 03/4 thôn (đạt 75%).

- Xã có nhà văn hóa với 250 chỗ ngồi, có đủ bàn, ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; Có nhà thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã. Các buổi chiều rất đông người dân tham gia đánh bóng chuyền hơi, cầu lông, chạy, đu xà.....Ngoài ra, vào các dịp lễ, các ngày thành lập Đoàn, ngày phụ nữ, nông dân.....các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội đều tổ chức các giải thi đấu bóng chuyền hơi, cầu lông.....tạo không khí sôi nổi, hăng say luyện tập thể dục thể thao của người dân.

- Hiện nay, theo văn bản số 1017/UBND-XDCB ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng, xã đã được UBND tỉnh giới thiệu địa điểm xây dựng một sân thể thao xã với diện tích khoảng 2 ha, đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Trên địa bàn xã còn có thôn Đông Xá và thôn Phong Xá được đầu tư xây dựng mới 02 nhà văn hóa với quy mô 350 chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và thể thao người dân. 02 thôn Phong Nấm và thôn Đông Yên nhà văn hóa hiện chưa đảm bảo diện tích theo quy định tuy nhiên vẫn được trang bị đầy đủ trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của cộng đồng dân cư trong thôn. Hiện 2 thôn này đã được UBND tỉnh giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng với quy mô mỗi thôn là khoảng 02 ha, hiện tại đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ giải phóng mặt bằng, UBND xã cam kết sẽ ưu tiên kinh phí xây dựng nhà văn hóa mới đảm bảo diện tích cho các thôn này khi có nguồn kinh phí.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tính đến ngày 15/12/2020 trên địa bàn 4 thôn tổng có 13 di tích được kiểm kê, trong đó có 02 công trình được xếp hạng cấp Quốc gia; 04 công trình được xếp hạng cấp tỉnh.

- Đến nay đã có những cơ sở tín ngưỡng được xây dựng mới hoàn toàn như: Chùa Phong Nấm, đền Phong Nấm, chùa Đông Xá, đền Phong Xá....

- Trên địa bàn xã có di tích lịch sử cấp Quốc gia là Đình Đông Xá, đã được nhà nước quan tâm hỗ trợ sửa chữa, trùng tu 02 lần với số tiền mỗi lần là 300.000.000 đồng,

ngoài ra còn tiền đóng góp của người dân. Hiện nay cơ sở đã khang trang, uy nghi, đảm bảo hoạt động tín ngưỡng của người dân.

- Toàn bộ các cơ sở đều được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. 100% thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

- Trên địa bàn xã có 4/4 thôn đều đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” theo Quyết định số 5635/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa: Đạt

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

7.1. Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định

7.2. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

Xã Đông Phong có 01 chợ nông thôn đã được UBND xã đầu tư hạ tầng cơ bản đảm bảo, gồm cả hệ thống bể nước ngầm, máy bơm PCCC, hệ thống cầu chợ, mái tôn..... đảm bảo theo quy định tại mục I, Chương II của Hướng dẫn kèm theo Quyết định số 1327/QĐ-BCT ngày 03/6/2024 và có 01 khu vực kinh doanh cơ bản đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ quy định tại Mục II, Bảng 1 - Tiêu chí đánh giá đối với chợ kinh doanh thực phẩm của TCVN 11856:2017.

- Trên địa bàn xã còn có nhiều mô hình siêu thị mini ở thôn Phong Xá, thôn Đông Yên hoạt động rất hiệu quả, sử dụng thực phẩm sạch, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, điển hình như 02 siêu thị Winmart, Siêu thị trái cây nhập khẩu....

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh $\geq 80\%$.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông internet, đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh $\geq 80\%$.

- Toàn xã có 5.624/5.624 người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh, đạt 100%.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Xã có 01 đài truyền thanh của xã và 04 đài truyền thanh của 04 thôn, được đầu tư trang thiết bị hiện đại và hoạt động tốt, được trang bị máy tính, có hệ thống lưu trữ và phần mềm biên tập sản xuất chương trình và card âm thanh mạng 4G, đảm bảo các hoạt động thông tin được truyền tải kịp thời, đầy đủ đến người dân trong xã.

- 100% số thôn trong xã các hộ gia đình thu, xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

- Có điểm bưu điện văn hóa xã là điểm cung cấp xuất bản phẩm.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành bằng các phần mềm ứng dụng dùng chung cho toàn tỉnh; trang bị 100% máy vi tính cho cán bộ, công chức; 100% máy vi tính trong cơ quan được kết nối mạng internet băng thông rộng.

- Xã có sử dụng 01 phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến dùng chung toàn tỉnh; trang thông tin điện tử

của xã có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của xã.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 65%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 75%.

- 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên các nền tảng như Zalo, Facebook, Web.....

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

- UBND xã đã trang bị toàn bộ mạng Wifi miễn phí tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, đảm bảo nhu cầu sử dụng mạng internet cho người dân nộp hồ sơ trực tuyến.

- Ngoài ra tại các điểm trung tâm văn hóa học tập cộng đồng đều được trang bị wifi miễn phí.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông: Đạt

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã có 2.681/2.683 hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt tỷ lệ 99,9%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở và dân cư: Đạt

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Đảm bảo thu nhập năm 2024 ≥ 72 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 70,6 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 75,2 triệu đồng/người/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 81,4 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt

4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (đã trừ hộ bảo trợ XH) $\leq 1\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đến nay xã không còn hộ nghèo theo tiêu chí trung ương, tiêu chí của tỉnh Bắc Ninh.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: Đạt

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động:

a) Yêu cầu của tiêu chí

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 85\%$.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 35\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 85\%$.

- Toàn xã có khoảng 5.427 người trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong đó: có 4.795/5.427 người là lao động qua đào tạo, đạt 88,3 %.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 35\%$.

- Toàn xã có khoảng 5.427 người trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong đó: có 2.185/5.427 người là lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, đạt 40,3 %.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 12 về Lao động: Đạt

4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận.

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa cá khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (nếu có).

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã (nếu có) được bán qua kênh thương mại điện tử.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (nếu có) được cấp mã vùng

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Trên địa bàn xã có 01 HTX dịch vụ nông nghiệp thôn Đông Xá và 03 Tổ hợp tác thôn Đông Yên, thôn Phong Xá, thôn Phong Năm đều được tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã hiện hành.

- Hoạt động chủ yếu của HTX, các tổ hợp tác là cung cấp dịch vụ nông nghiệp, điều tiết tưới tiêu nước, nạo vét, khơi thông hệ thống kênh mương, hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để thực hiện cày, cấy, gặt cho người dân.

- Đối với Tổ hợp tác thôn Phong Năm, Đông Xá nhiều vụ sản xuất đã chủ động liên hệ với các đơn vị về thu mua thóc tươi cho người dân ngay sau khi gặt xong, đảm bảo được quyền lợi và kinh tế cho người dân.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận.

- Trên địa bàn xã có công ty TNHH thương mại và sản xuất Lam Phong sản xuất các sản phẩm trà cần tây lá sen, trà gạo lứt lá sen, trà búp ổi xạ đen... đã có đơn đề nghị đăng ký tham gia Chương trình OCOP gửi UBND huyện, đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ chờ đánh giá công nhận.

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa cá khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- 04/4 hợp tác xã đều có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong trồng trọt.

STT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Làm đất	100	100
2	Gieo, trồng	70	100
3	Tưới, tiêu	80	100
4	Chăm sóc	85	100
5	Thu hoạch	100	100
6	Vận chuyển	80	100
7	Xử lý phụ phẩm	70	100

- Mô hình quản lý sức khỏe cây trồng ở hợp tác xã Đông Xá với diện tích ha với sự tham gia của 35 học viên nông dân sản xuất được tổ chức lớp theo Quyết định số 13/QĐ-CCTTBVTW ngày 02/02/2024 của Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật (có danh sách học viên kèm theo). Kết thúc khóa học học viên đã nắm bắt được quy trình quản lý tổng hợp các loại sinh vật hại trên cây lúa như quản lý sâu hại, bệnh hại, cỏ dại...

Các mục 13.4; 13.5; 13.6; 13.7: trên địa bàn xã không có nên không xem xét đánh giá.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

- Trên địa bàn xã có rất nhiều mô hình phát triển kinh tế nông thôn trong đó có mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Lam Phong

sản xuất các sản phẩm trà cần tây lá sen, trà gạo lứt lá sen, trà búp ổi xạ đen. Các sản phẩm của công ty đều được áp dụng khoa học - công nghệ mới vào sản xuất nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm nông nghiệp, không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho người dân. Mô hình này đã cho thu nhập từ 100 đến vài trăm triệu đồng trên năm, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân, từ đó tạo nguồn lực trong xây dựng Nông thôn mới nâng cao trên toàn xã.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) > 96%

14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử.

14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) > 96%

-Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) trên địa bàn xã là: 10.185/10.555 người, đạt tỷ lệ 96,5%.

Kết quả triển khai thực hiện các tiêu chí 14.2 ; 14.3 ; 14.4 : Xã đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai thực tốt công tác quản lý sức khỏe điện tử, triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa và triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử như:

+ Công văn số 1236/SYT-KHTC ngày 18/05/2023, về việc đảm bảo điều kiện triển khai nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Kế hoạch số 2414/KH – SYT ngày 25/09/2023, về việc triển khai các nền tảng số ngành y tế Bắc Ninh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

+ Kế hoạch số 126/KH-TTYT ngày 24/10/2023, về việc triển khai lộ trình thực hiện Hồ sơ sức khỏe điện tử nâng cao trên địa bàn huyện Yên phong năm 2023.

+ Kế hoạch số 53/KH-TTYT ngày 15/3/2024, về cập nhật dữ liệu Hồ sơ sức khỏe người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn huyện Yên Phong năm 2024.

- Trạm y tế xã Đông Phong đã xây dựng Kế hoạch số 42/KH-TYT ngày 23/02/2023 của TYT xã Đông Phong, về việc Khám, lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân năm 2023.

- Kế hoạch số 36/KH-TYT ngày 15/03/2024 của TYT xã Đông Phong, về việc Cập nhật dữ liệu Hồ sơ sức khỏe người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Đông Phong năm 2024.

- Hiện nay Trạm y tế xã Đông Phong đã được UBND xã đã đầu tư xây dựng khang trang, có đầy đủ các phòng chức năng, có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí.

- + Có phòng làm việc, có bộ bàn ghế văn phòng;
- + Có 04 máy tính để bàn có kết nối mạng internet;
- + Đã cài đặt ứng dụng, phần mềm để thực hiện số khám chữa bệnh điện tử,
- + Nhân viên y tế đã được đào tạo sử dụng thành thạo phần mềm.

- Trạm y tế đã xây dựng các kế hoạch hoạt động, phối hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương trong công tác triển khai thực hiện, đã viết bài tuyên truyền thông báo trên mạng lưới truyền thanh của xã, thôn để tuyên truyền đến từng người dân, để người dân nắm được và phối hợp với trạm y tế trong công tác thực hiện các chỉ tiêu về y tế.

- Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử là : 10.555/10.555 đạt 100%.

- Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa là : 925/1.394 đạt 66,35%

- Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử là: 5.417/10.555 đạt 51,32%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 14 về Y tế: Đạt

4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công:

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- UBND xã tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân.

- Bộ phận một cửa, bộ phận chuyên môn của UBND xã được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận và giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân. UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC qua cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện phát hành biên lai điện tử, thanh toán trực tuyến theo quy định. UBND xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, nộp hồ sơ trực tuyến.

- Cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính xã Đông Phong được đào tạo, bồi dưỡng, có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

- UBND xã có dịch vụ công trực tuyến một phần đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của công dân, cụ thể: 89 dịch vụ công trực tuyến (21 DVCTT toàn trình, 67 DVCTT một phần, 01 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến).

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- UBND xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- UBND xã thực hiện niêm yết công khai 100 % thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của

Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của văn phòng chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

- 100 % thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định. Hầu hết các TTHC được trả kết quả trong ngày cho công dân, đúng thời hạn giải quyết theo quy định. Trong ba năm liên tục từ 2021-2023, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu 98 % trở lên đối với hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã và 95 % trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã. Không có kết quả giải quyết TTHC phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước, hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ những người, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. Trong 03 năm liên tục 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hạn hoặc sớm hạn. Cụ thể :

+ Năm 2021: 12.775/12.775 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

+ Năm 2022: 12.521/12.521 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

+ Năm 2023: 11.007/11.007 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC ngày càng được nâng cao, đạt mục tiêu giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của chính phủ.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công: Đạt

4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành $\geq 90\%$.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã thực hiện chấm điểm tiêu chí số 16 theo hướng dẫn, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí, chỉ tiêu	Điểm yêu cầu	Điểm đánh giá CTCPL 2024	Ghi chú
1	Ban hành Kế hoạch PBGDPL năm trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật: 2/2 điểm	2	2	Nội dung a, phần 1, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
2	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch PBGDPL đạt 100%	4	4	Nội dung a, phần 2, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
3	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch của cấp trên đạt 100%	2	2	Nội dung a, phần 3, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
4	Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5	5	Nội dung a, chỉ tiêu 4, Tiêu chí 2. -Mô hình CCB vì dân đã được nhân rộng 4/4 thôn. (Đạt)
5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật cho 100% TTVPL	3	3	Nội dung a, chỉ tiêu 5, Tiêu chí 2. (Đạt)
6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo	3	3	Nội dung a, chỉ tiêu 6, Tiêu chí 2.

	dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật			(Đạt)
7	Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Có	Có	(Đạt)
8	Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	Có	Có	-Mô hình CCB vì dân thôn Phong Xá hoạt động có hiệu quả đã được UBND huyện khen năm 2023
9	Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1	1	Nội dung 1, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
10	Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đạt 100%	1.5	1.5	Nội dung a, phần 2, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
11	Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đạt 100%	1.5	1.5	Nội dung a, phần 3, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
12	Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở	Có	Có	(Đạt)
13	Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong	Có	Có	-Cá nhân Ông Nguyễn Văn Bằng đã có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến

	công tác hòa giải ở cơ sở.			trong công tác hòa giải ở cơ sở. Được UBND tỉnh Bắc Ninh tặng Bằng khen năm 2023
14	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (sau đây gọi là vụ việc, hòa giải thành)	$\geq 90\%$	3/3 vụ đạt 100%	Nội dung a, b, phần 2, chỉ tiêu 1, Tiêu chí 3 (từ 1.5 đến 3.5 điểm) (Đạt)
15	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	$\geq 90\%$	100%	Nội dung a, b, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 3 (từ 3 đến 4 điểm) (Đạt)

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật: Đạt

4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 98\%$.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$.

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 20\%$.

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Trên địa bàn xã không có Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản nên không đánh giá chỉ tiêu này.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%

- Hiện nay cơ bản 80/80 cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn xã đều đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Ngày 20/9/2024 UBND xã đã ban hành thông báo số 56/TB-UBND v/v đơn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn hoạt động trước ngày 01/01/2022, chưa có giấy phép môi trường theo quy định, sớm xây dựng báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trong thời gian tới, UBND xã sẽ tiếp tục tuyên truyền để người dân nắm bắt được các quy định của pháp luật về môi trường.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 98\%$.

- Có phương án thu gom, vận chuyển rác thải, quy chế bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại. Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhân dân phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình; các loại rác thải như lá cây, thức ăn thừa được xử lý đốt, chôn lấp hoặc làm thức ăn cho chăn nuôi và làm phân hữu cơ theo mô hình mỗi hố rác một cây xanh, rác thải tái chế được gom bán phế liệu, rác còn lại được lưu giữ và định kỳ tổ chức thu gom trên địa bàn toàn xã. Hiện nay, trên địa bàn xã mỗi hộ gia đình đều có thùng, túi đựng rác thải đảm bảo vệ sinh

môi trường.

- Rác thải sinh hoạt được các hộ bỏ vào bì buộc chặt tập trung tại sân, cửa nhà. Hàng ngày, 4/4 thôn đều có đội thu gom rác thải vận chuyển ra bãi tập kết của các thôn, sau đó Liên danh Công ty TNHH Môi trường Đô Thị Hưng Phát – Công ty CP Dịch vụ và Môi trường xanh Yên Phong sẽ cho xe về vận chuyển xuống nhà máy Điện rác Lương Tài để xử lý. Kết quả cụ thể có 2.683/2.683 hộ = 100% đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, Khối lượng trung bình khoảng 16 tấn/ngày.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$.

- Trong các khu dân cư, nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, hố lắng lọc trước khi xả vào hệ thống tiêu thoát nước chung. Hệ thống xử lý thoát nước mưa, nước thải trong các khu dân cư đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, đảm bảo vệ sinh, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải gây ô nhiễm môi trường; đồng thời thường xuyên được khơi thông, nạo vét. Các trục đường đều có mương tiêu thoát nước đảm bảo không chảy tràn ra đường gây ô nhiễm môi trường. Kết quả số hộ thực hiện có 1.768/2.683 hộ = (65,9%)

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

- Song song với đề án thu gom rác thải, UBND xã đã tuyên truyền nhân dân tiến hành phân loại rác thải tại nguồn trước khi thu gom.

- Về cơ bản các hộ thực hiện phân loại rác sinh hoạt hàng ngày, rác thải được phân loại thành rác nguy hại, rác hữu cơ và rác tái chế. Hội liên hiệp phụ nữ xã đã triển khai dùng chế phẩm sinh học IMO để xử lý rác thải hữu cơ sau phân loại đã góp phần giảm thiểu lượng rác thải rắn cần thu gom, xử lý. Đối với chất thải rắn có khả năng tái chế được chuyển giao cho các hộ thu mua phế liệu hoặc các tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế.

- Qua kiểm tra, đánh giá quá trình phân loại rác của các hộ gia đình trên địa bàn hiện nay đạt được như sau: Số hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn có 1.586 hộ/2.683 hộ, đạt tỷ lệ 59,1 %.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

- Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã được thống kê phát sinh gồm có: pin, xi tro, gạch vỡ, các loại phế liệu dễ cháy nổ, máy móc phóng xạ, mạch điện tử, không bao gồm bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và rác thải y tế,... Từ năm 2019, thực hiện đề án “Phát động phong trào làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng, ngõ, xóm huyện Yên Phong, giai đoạn 2019-2021”, UBND xã đã cho lắp đặt thùng chứa rác 2 ngăn tại các hộ gia đình, nơi công cộng, trục đường chính... tuyên truyền nhân dân thực hiện phân loại. Sau đó phòng tài nguyên môi trường huyện sẽ hợp đồng với công ty môi trường về xử lý theo đúng quy định. Khối lượng 01/01 tấn = 100%

- Đối với rác thải y tế: Trạm y tế xã đã ký hợp đồng với Trung tâm y tế huyện Yên Phong để xử lý theo quy định.

- Đối với vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật cũng được người dân thu gom bỏ vào các bể chứa đặt tại các điểm công cộng trên địa bàn sau đó công ty môi trường sẽ thực hiện thu gom xử lý theo quy định.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$

Thực hiện Đề án “Phát động phong trào làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng ngõ xóm giai đoạn 2019 - 2021” với mục tiêu cải thiện môi trường đồng ruộng, bảo đảm môi trường sản xuất an toàn, bền vững, đồng ruộng không còn rác, hệ thống kênh mương thông thoáng, không có bèo, rác; xây dựng và lắp đặt các bể chứa vỏ bao, chai thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thu gom rác thải đồng ruộng định kỳ để xử lý. Đề án được triển khai trong bối cảnh vấn đề môi trường được nhân dân quan tâm do vậy nhận được sự ủng hộ của người dân cùng cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể cấp huyện, cấp xã phối hợp với các ngành chức năng của huyện để có kế hoạch riêng tổ chức triển khai đến các khu dân cư để tổ chức thực hiện đề án như:

- Hội nông dân xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai kế hoạch thực hiện phong trào “Thu gom rác thải, làm sạch đồng ruộng” bảo đảm môi trường sản xuất nông nghiệp an toàn. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các công ty tổ chức tập huấn lồng ghép với các chương trình hoạt động, tập huấn cho hội viên nông dân về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả, chuyên giao khoa học kỹ thuật. Tổ chức ký cam kết đến hội viên, nông dân sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật,

phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả phân bón, an toàn thuốc bảo vệ thực vật và thu gom túi bóng, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác sau khi sử dụng, xử lý chất thải hữu cơ trong nông nghiệp, chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Hội Liên Hiệp phụ nữ huyện phối hợp với Hội Liên Hiệp phụ nữ tỉnh hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn hướng dẫn phân loại, xử lý rác thải hữu cơ bằng phương pháp sử dụng vi sinh bản địa IMO tới các hội viên phụ nữ và các hộ gia đình trên địa bàn các xã, thị trấn, góp phần giảm thiểu rác thải gây ô nhiễm môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Thực hành cách làm vi sinh IMO ứng dụng vào xử lý rác thải hữu cơ đã phân loại, làm phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, góp phần bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra còn các hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể khác trên huyện như: Phòng GD&ĐT, Trung tâm DVNN, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh... công tác tuyên truyền của Trung tâm VH-TT&TT.

- Qua rà soát kết quả cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom và tái sử dụng trên địa bàn là đạt tỷ lệ $0,9/1,02$ tấn = 88,2%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là $2.387/2.683$ hộ = 88,9%

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$.

- Định kỳ hàng năm, khi thời tiết giao mùa, UBND xã xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho các loại gia súc, gia cầm. Ngoài tiêm phòng định kỳ, UBND xã tiến hành tiêm phòng bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm 1 tháng/ lần cho các đối tượng chưa đủ điều kiện tiêm tại các đợt tiêm phòng định kỳ. Tỷ lệ đạt 100% tổng đàn (đối tượng tiêm được).

- Các hộ chăn nuôi có chuồng trại xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường, nước thải chăn nuôi được xử lý qua hố lắng lọc trước khi thải ra môi trường, phân được ủ để bón ruộng, trường hợp các hộ gia đình chăn nuôi nhiều thì có hệ thống xử lý chất thải bằng Bioga. Chất thải chăn nuôi chưa được xử lý không xả trực tiếp ra môi trường.

- Qua rà soát đánh giá tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường trên địa bàn là 40/40 cơ sở đạt tỷ lệ 100%

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Về quy hoạch, xây dựng nghĩa trang và hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn xã đã đáp ứng, duy trì đầy đủ theo quy định, phù hợp với quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 20\%$.

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân, nhiều năm qua tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn xã đều duy trì ở mức cao.

+ Năm 2022 là: 38 đám/58 đám, đạt tỷ lệ 65,5%

+ Năm 2023 là: 23 đám/38 đám, đạt tỷ lệ 60,5%

+ 9 tháng đầu năm 2024 là: 16 đám/26 đám, đạt tỷ lệ 61,5%

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$.

- Tại các địa điểm công cộng, nhà văn hóa, dọc các tuyến đường, hàng năm xã bố trí kinh phí trồng mới và chăm sóc các đường cây, đường hoa, giao các tuyến đường này cho các đoàn thể chính trị - xã hội tự quản. tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt 4,4 $\text{m}^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 90\%$.

- Các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác dân vận trong hội viên và nhân dân tiếp tục giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, tái chế, xử lý chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn theo đúng quy định, vận động mỗi hộ gia đình phân loại xử lý rác bằng các hình thức khác nhau. Năm 2020, UBND xã đã bố trí lắp đặt 119 thùng chứa rác hai ngăn tại các địa điểm công cộng, các trục đường chính, tuyên truyền nhân dân nâng cao ý thức phân loại rác thải tại nguồn, không vứt rác thải bừa bãi. Những chất thải nhựa có khả năng tái sử dụng sẽ được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tái sử dụng, đối với các chất thải nhựa không tái chế được đều được công ty môi trường vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử

lý theo quy định đạt $0,98/1,05$ tấn = 93,3%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 17 về Môi trường: Đạt

4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 45\%$.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm 100%

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. 100%

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$.

- Trên địa bàn xã hiện nay đã được công ty 767 đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch từ nhà máy nước sạch khu công nghiệp Yên Phong. Hàng tháng, hàng quý và hàng năm Công ty Nước sạch Đình Tổ đều thực hiện việc lấy mẫu nước sau xử lý để phân tích theo quy định, kết quả nước sau xử lý đạt quy chuẩn là nước có các thông số chất lượng nước đáp ứng quy chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 1.782/2.683 hộ (66,4 %).

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 80 lít.

- Cấp nước sinh hoạt đạt bình quân đầu 85 lít /người/ngày đêm

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 45\%$.

- Trên địa bàn xã hộ dân sử dụng nước sạch từ thống cấp nước sạch do công ty 767 đầu tư dẫn nước từ nhà máy nước sạch khu công nghiệp Yên Phong (Công ty Viglacera). Hiện nay công ty đang vận hành, khai thác có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững; 100% hệ thống các công trình xử lý nước và hệ thống đường ống cung cấp nước đến người tiêu dùng được công ty quan đầu tư nâng cấp, tu bổ, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt trong quá trình khai thác và cung cấp nước tới người tiêu dùng; ngoài ra còn thường xuyên hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực quản lý vận hành cho đội ngũ nhân viên.

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm	Điểm đánh giá
1	Tiền nước thu được đủ bù đắp chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ	20	- Thu còn dư để tích lũy: 20 điểm; - Thu đủ chi trả cho chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ: 15 điểm; - Thu không đủ chi trả cho chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ: 10 điểm; - Không thu được tiền nước: 0 điểm.	20
2	Chất lượng nước sạch sau xử lý đạt quy chuẩn	20	- Đạt: 20 điểm - Không đạt: 0 điểm	20
3	Khả năng cấp nước thường xuyên trong năm	20	- Luôn luôn ổn định: 20 điểm; - Số ngày không được cấp nước dưới 30 ngày/năm: 10 điểm; - Số ngày không được cấp nước trên 30 ngày/năm: 0 điểm.	20
4	Tỷ lệ công suất khai thác thực tế sau 02 năm đưa vào sử dụng so với công suất thiết kế	20	- Lớn hơn 60%: 20 điểm; - Từ 50-60%: 10 điểm; - Dưới 50%: 0 điểm.	20
5	Cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý vận hành phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình	20	- Đạt: 20 điểm - Không đạt: 0 điểm	20
	Tổng số	100		100

Kết quả thực hiện các tiêu chí số 18.4; 18.5; 18.6, cụ thể như sau:

Hàng năm, UBND xã đã ban hành một số văn bản, kế hoạch triển khai đảm bảo công tác An toàn thực phẩm, cụ thể:

- Kế hoạch số 25/KH-BCĐ ngày 25/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Đông Phong. Kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm xã Đông Phong năm 2024.

- Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/04/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Đông Phong. Quyết định kiện toàn ban chỉ đạo An toàn thực phẩm xã Đông Phong năm 2024.

- Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 02/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Đông Phong. Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên Đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024.

- Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Đông Phong. Quyết định về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024.

- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 7/6/2024 của UBND xã Đông Phong. Kế hoạch tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ hộ, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn xã năm 2024.

- Kế hoạch số 49/KH-BCĐ ngày 8/4/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Đông Phong. Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2024.

- Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 8/4/2024 của UBND xã Đông Phong. Quyết định về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024.

- Kế hoạch số 78/KH-BCĐ ngày 29/8/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Đông Phong. Kế hoạch triển khai các biện pháp đảm bảo ATTP trong dịp Tết Trung thu trên địa bàn xã Đông Phong năm 2024.

- Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 của UBND xã Đông Phong. Quyết định về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp tết trung thu năm 2024.

- UBND xã Đông Phong đã tổ chức tập huấn kiến thức về An toàn thực phẩm cho chủ hộ, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã năm 2024 vào ngày

19/6/2024. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về An toàn thực phẩm kiểm tra các cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản, số cơ sở kiểm tra là 5 cơ sở. Đạt 5/5 cơ sở.

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm : 24/24 đạt 100%

- Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã : Không

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định: 26/26 đạt 100%

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. 100%

- Trên địa bàn xã có 2.683 hộ / 2.683 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. 100%

- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống: Đạt

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).

19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Xây dựng kế hoạch dân quân tự vệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp
- + Tổ chức Ban chỉ huy quân sự và cán bộ dân quân tự vệ

Ban chỉ huy quân sự 4 đồng chí: Chỉ huy trưởng là Đảng ủy viên, thành viên UBND, công chức cấp xã; Chính trình trị là Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm (Huyện ủy viên); Chính trị viên là phó Bí thư Đoàn TNCSHCM kiêm nhiệm, Chỉ huy phó là đảng viên, cán bộ bán chuyên trách. Đồng chí chỉ huy trưởng được đào tạo trình độ Trung cấp ngành quân sự cơ sở. 1 đồng chí có bằng thạc sỹ, 2 đồng chí có bằng đại học, 1 đồng chí đang theo học trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở.

Xây dựng, biên chế đầy đủ cán bộ quản lý, Chỉ huy Dân quân tự vệ (DQTV) thôn; Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng và Thôn trưởng kiêm nhiệm chức danh Tổ trưởng dân quân tại chỗ. 3/4 thôn đội trưởng là đảng viên, 2/4 đồng chí thôn đội trưởng là cấp ủy.

+ Về số lượng:

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nghiêm túc hướng dẫn của ban CHQS huyện về việc tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi DQTV. Tham mưu cho UBND xã thành lập Ban chỉ đạo công tác đăng ký công dân trong độ tuổi DQTV theo đúng quy định, đúng độ tuổi bảo đảm chất lượng hiệu quả cao.

Công tác tuyển chọn bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật;

Hàng năm, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân, Tự vệ đúng quy định.

Quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được tuyển chọn vào đơn vị Dân quân tự vệ.

- Lực lượng cơ động = 28 đ/c. Biên chế 1 trung đội; 3 tiểu đội.

- Lực lượng tại chỗ = 23 đ/c. Biên chế 3 tiểu đội; 8 tổ

Lực lượng Binh chủng: 18 đ/c (1 khẩu đội cối 60=3đc. Công binh 01 tổ 3 đ/c . 1 tổ Trinh sát = 3 đ/c , 1 tổ Thông tin =3 đ/c , 1 tổ. Phòng hóa = 3 đ/c 1 tổ. Y tế = 3 đ/c.

+ Về chất lượng:

- Tỷ lệ đảng viên lực lượng dân quân nòng cốt được biên chế 15 đồng chí đạt 17%; 100% cán bộ, chiến sỹ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, khi có tình huống xảy ra huy động trong 1 giờ đạt 95% quân số theo biên chế trở lên; Lực lượng dân quân được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị hàng năm theo đúng nội dung chương trình, thời gian quy định. Kết quả các khoa mục kiểm tra đạt 100% đạt theo yêu cầu, trong đó 75 đến 80 % khá giỏi trở lên.

+ Đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất:

- Ủy ban nhân dân xã phân bổ ngân sách đúng theo luật quy định, luôn chi trả kịp thời, khi thực hiện các nhiệm vụ theo luật DQTV (huấn luyện, diễn tập, trực sẵn sàng chiến đấu).

- Ban CHQS xã được bố trí phòng làm việc riêng, nhà kho, tủ súng và được cấp công vụ hỗ trợ cho hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng chính quy, phòng làm việc có gắn biển tên phòng, trong phòng sắp xếp gọn gàng, các biển tên chức danh CHT, CTV, PCHT, CTCP để trên bàn làm việc; có bảng lịch công tác theo đúng quy định của ngành tham mưu. Tủ súng để ở phòng làm việc của Chỉ huy trưởng, có 02 khóa cầu ngang và khóa dây suốt cò súng đảm bảo an toàn, sắp đặt gọn gàng, có đăng ký số súng ở bộ dụng cụ súng. Có nhà kho để vật chất huấn luyện, tủ để đựng trang phục của dân quân và công cụ hỗ trợ phòng chống cháy nổ, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người có công với cách mạng, cụ thể: giải quyết chế độ theo quy định 62/CP = 144/246 đối tượng, Quyết định 49/CP = 314/320 đối tượng.

- Xây dựng ban hành các văn bản: kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng và an ninh nhân dân năm 2024 tại kế hoạch số 37/KH-HĐGDQP&AN ngày 27/02/2024 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh xã Đông Phong; kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 29/4/2022 về phối hợp giữa Công an – Ban CHQS xã trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTQTXH đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã Đông Phong; Quy chế phối hợp giữa lực lượng công an và lực

lượng Quân sự thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn xã Đông Phong; các kế hoạch thực hiện công tác dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh trật tự; Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyển quân; kế hoạch tổ chức xây dựng lực lượng dân quân... và một số văn bản khác.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).

a. Hằng năm, định kỳ và trong các dịp đột xuất Đảng ủy có các Nghị quyết; UBND xã có các Kế hoạch về Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn xã. Kèm theo đó là các Phương án; Kế hoạch tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác an ninh, trật tự và xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đã tham mưu Đảng ủy – UBND xây dựng triển khai các kế hoạch liên quan thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT như: Kế hoạch huy động các lực lượng phối hợp tham gia tuần tra vũ trang đảm bảo ANTT; Kế hoạch kiểm tra cư trú; Kế hoạch tăng cường tuần tra đảm bảo ANTT trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Kế hoạch cao điểm thu hồi VK, VLN, CCHT và pháo các loại; Kế hoạch cao điểm đấu tranh phòng, chống tội phạm trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Phương án, kế hoạch tăng cường công tác PCCC tại cơ sở theo phân cấp; Kiện toàn các Ban chỉ đạo 138, Ban chỉ đạo tăng cường thu hồi vũ khí, vật liệu nổ và pháo, Ban An toàn giao thông xã...

Tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của ĐU, UBND huyện, lãnh đạo Công an huyện Yên Phong về nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc như: Mô hình Camera an ninh, các mô hình tổ liên gia PCCC, mô hình điểm chữa cháy công cộng, mô hình “Xã ATGT”, “cổng trường ATGT”, “Nhà xe học sinh ATGT”, mô hình “Khéo trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục có liên quan đến pháp luật về cư trú”.... Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh với tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Đến nay các mô hình đã hoạt động, bước đầu đã có một số kết quả nhất định và được đa số quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ.

Đơn vị xã và các thôn đều đạt tiêu chuẩn về ANTT. Công an xã tổ chức triển khai cho 100% học sinh của ba trường, các hộ kinh doanh có điều kiện ký cam kết đảm bảo ANTT.

Ngày 01/07/2024, tổ chức thành lập lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, trật tự ở cơ sở và lễ ra mắt “Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở” gồm 04 tổ với tổng số 16 thành viên.

b. Không để xảy ra một trong các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ Khoản 3 Điều 4 Thông tư 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021: Quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”:

- Không để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;

- Không để xảy ra hoạt động tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;

- Không để xảy ra hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;

- Không để xảy ra hoạt động ly khai, đòi tự trị.

c. Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật;

Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm: 100% tin báo, tố giác tội phạm được tiếp nhận, xác minh sơ bộ, xử lý, giải quyết đúng quy định.

Tổng số tiếp nhận: 09. Trong đó: Tổ giác = 04; Tin báo = 05; Chuyển Cơ quan điều tra Công an huyện thụ lý đúng quy định.

d. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

đ. Số vụ phạm tội về trật tự xã hội tại xã chỉ xảy ra từ 05 (năm) vụ trở xuống trên 01 (một) năm và được duy trì với mục tiêu phải kiềm chế hoặc kéo giảm trong 02 năm liên tiếp và những năm tiếp theo;

- Tệ nạn xã hội trên địa bàn được kiềm chế, giảm so với năm trước;
- Tai nạn giao thông trên địa bàn được kiềm chế, giảm so với năm trước;
- Cháy, nổ... cũng được kiềm chế (trừ trường hợp bất khả kháng).

e. Có các mô hình về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả như:

- Mô hình mang tính tổ chức tự quản về ANTT được điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật: 10 mô hình, gồm:

- + 01 mô hình Ban chỉ đạo 138 tại xã.
- + 04 mô hình Tổ dân phòng tự quản tại 04 thôn.
- + 04 mô hình Tổ hòa giải tại 04 thôn.
- + 01 mô hình Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã.

- Mô hình mang tính tổ chức tự quản về ANTT không bị điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật: 03 mô hình, gồm:

- + 01 mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC”.
- + 01 mô hình “Công trường an toàn giao thông”.
- + 01 mô hình tổ trợ giúp tái hòa nhập cộng đồng.

g. Xã Đông Phong không thuộc địa bàn phức tạp về tội xâm phạm trật tự xã hội theo công văn số 251/CAT-PC02, ngày 25/01/2024 của Công an tỉnh về xác định địa bàn phức tạp về trật tự xã hội.

h. Tập thể Công an xã được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô

hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Năm 2023, tổ chức thành lập mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC” tập hợp các hộ gia đình, nhà để ở, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh liền kề nhau. Các hộ gia đình gần nhau sẽ liên kết lại trở thành một tổ liên gia an toàn PCCC, chung tay cùng đảm bảo an toàn PCCC&CNCH trong quá trình kinh doanh, sinh hoạt. Mô hình “tổ liên gia an toàn PCCC” bao gồm: 5 đến 15 hộ gia đình (nhà để ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh) liền kề nhau. Mỗi nhà sẽ bố trí ít nhất 1 bình chữa cháy xách tay và tối thiểu 1 dụng cụ phá dỡ, ở các vị trí phù hợp tại mỗi hộ gia đình. Mô hình “tổ liên gia an toàn PCCC” đi vào hoạt động đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác bảo đảm an toàn PCCC&CNCH của các hộ gia đình.

- Mô hình “ Công trường ATGT” một trong những mô hình trọng điểm thuộc chương trình phối hợp số 11 giữa Bộ Công an với Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự, an toàn giao thông trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2020 – 2025. Sau thời gian triển khai trên địa bàn xã, mô hình “Công trường an toàn giao thông” đã phát huy tác dụng, góp phần giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông trước công trường trước và sau giờ tan học; tình trạng tai nạn giao thông. Thông qua mô hình giúp xây dựng môi trường giao thông an toàn, thân thiện, góp phần đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Đồng thời, sớm hình thành ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông cho học sinh ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường.

- Trong năm 2024, Công an xã đã tham mưu cho UBND xã lắp đặt 40 mắt camera tại các trục đường chính, cửa ngõ ra vào địa bàn, các khu vực trọng yếu.... phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: Đạt

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của xã Yên Trung đến thời điểm hiện tại là thiếu từ nguồn ngân sách xã với số tiền là 49.242 triệu đồng. (có báo cáo giải trình của xã kèm theo).

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

1. Quan điểm

- Thành viên Ban chỉ đạo cần bám sát kế hoạch công tác, các nội dung được phân công theo dõi chỉ đạo các thôn, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Thường xuyên chỉ đạo, nắm tình hình và kết quả triển khai trên địa bàn các thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể có kế hoạch để tập trung chỉ đạo thực hiện các tiêu chí có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch, lưu ý việc chuyển đổi diện tích đất lúa sang mục đích sử dụng khác phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của xã đã được tỉnh phê duyệt. Chú trọng quy hoạch sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, thúc đẩy các mô hình sản xuất.

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn.

2. Mục tiêu

- Phát huy quyết tâm chính trị cao nhất, huy động sức mạnh tổng hợp của Cấp ủy, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến thôn vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, duy trì các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao. Tranh thủ huy động nguồn kinh phí từ ngân sách và nguồn xã hội hóa để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục, công trình trên địa bàn, hướng tới mục tiêu xã nông thôn mới nâng cao, 4/4 thôn nông thôn mới kiểu mẫu và định hướng lên phường theo chủ trương của Huyện ủy, UBND huyện Yên Phong.

3. Nội dung, giải pháp

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, thực hiện các dự án đất DCDV thôn Phong Xá, thôn Đông Yên và các dự án đất đấu giá.

- Tập trung chỉ đạo đề án tích tụ ruộng đất phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ KHKT áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi, phát triển các mô hình chăn nuôi kết hợp, một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất Nông nghiệp và chăn nuôi theo chuỗi liên kết bao tiêu sản phẩm bền vững. Có các cơ chế chính sách hỗ trợ cho các hộ trang trại, gia trại trên địa bàn phát triển ổn định bền vững, xây dựng thêm 01 sản phẩm OCOP.

- Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất tại các trường học, chú trọng các biện pháp để tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời, thường xuyên quan tâm các hoạt động giảng dạy, có sự đầu tư đúng mức để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đời sống Văn hóa tinh thần cho người dân bằng các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Sớm thực hiện nhanh công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng mới nhà văn hóa, sân thể thao của thôn Đông Yên, thôn Phong Năm. Đưa trang thông tin điện tử của xã vào hoạt động có hiệu quả.

- Tập trung chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã luôn Xanh – Sạch – Đẹp, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, tạo cảnh quan khu dân cư kiểu mẫu.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: hồ sơ đúng, đủ theo quy định

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đông Phong đã được UBND huyện Yên Phong thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của xã Yên Trung đến thời điểm hiện tại là thiếu từ nguồn ngân sách xã với số tiền là 49.242 triệu đồng. *(có báo cáo giải trình của xã kèm theo).*

III. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Tỉnh tiếp tục có chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn, chú trọng đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi nội đồng để phục vụ sản xuất, các công trình thoát nước nông thôn để bảo vệ sinh môi trường.

2. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh xem xét Quyết định công nhận xã Đông Phong đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Vậy, UBND huyện Yên Phong báo cáo đề UBND tỉnh, BCĐ chương trình xây dựng NTM tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Bắc Ninh (b/c);
- VPĐP CTMTQGXDNTM tỉnh;
- TT HU, TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thường trực BCĐ huyện;
- Đảng ủy, UBND xã Đông Phong;
- Văn phòng: CVP, PVPTH, CVTH;
- Lưu: VT, HS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Mùi

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024**

đối với xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

(Kèm theo Dự thảo Báo cáo số/BC-UBND ngày/11/2024 của UBND huyện Yên Phong)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Quyết định số 405/QĐ-UBND; 409/QĐ-UBND; 410/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v phê duyệt quy hoạch phân khu số 5, số 3, số 25 huyện Yên Phong.	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	552/UBND-NN ngày 16/4/2024 của UBND huyện Yên Phong	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Quyết định số 405/QĐ-UBND; 409/QĐ-UBND; 410/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v phê duyệt quy hoạch phân khu số 5, số 3, số 25 huyện Yên Phong. Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND huyện Yên Phong v/v phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 xây dựng xã Đông Phong, định hướng lên phường	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...	≥95%	3,3/3,3 km (100%)	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường	Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ	100%	9,7/ 9,7 km (100%)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
		thôn và đường liên thôn	Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥95%	9,7/ 9,7 km (100%)	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		≥95%	25,9/ 25,9 km (100%)	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa		100%	21,3/ 21,3 km (100%)	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động		≥90%	(473/486)ha 97,3%	Đạt
		3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả		Đạt	Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đổng; Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Yên Phong	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước		≥20%	460/460 ha đạt 100%	Đạt
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hằng năm		100%	100%	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi		Đạt	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Khá	Khá	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định		100%	2.683/2.683hộ (100%)	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2		100%	- Trường MN Đông Phong đạt mức độ 2 tại Quyết định số 601/QĐ- UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh; - Trường TH Đông Phong đạt mức độ 2 tại Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh;	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
				- Trường THCS Đông Phong đạt mức độ 2 tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh.	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	“Cộng đồng học tập” của xã năm 2023 được đánh giá xếp loại Tốt theo QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Mô hình cầu lông, bóng đá, nhảy dây...	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm văn hóa – Thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã	Đạt	- Trung tâm văn hóa – Thể thao xã đã có QH được phê duyệt tại QĐ số 405/QĐ-UBND ngày 26/7/2024. - 02/4 thôn có nhà VH đạt chuẩn, 02 thôn còn lại hiện đang sinh hoạt tại NVH cũ tuy nhiên vẫn đảm bảo các điều kiện sinh hoạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
					văn hóa. - 03/4 điểm (đạt 75%) % - Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên theo quy định.	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định		Đạt	- Công văn số 31/CV-VHTT ngày 26/4/2019 của Phòng VH&TT v/v phối hợp kiểm kê di tích trên địa bàn huyện; - QĐ 1785/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh.	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”		100%	4/4 thôn (100%) theo QĐ 5635/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định	<i>Trường hợp xã không được quy hoạch xây dựng chợ thì không xem xét thực hiện tiêu chí và việc xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại</i>	Đạt	Chợ Kho thôn Đông Yên	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân		Đạt	Có 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh		≥80%	5.624/5.624 (100%)	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt	- 1 đài truyền thanh xã, 04 đài truyền thanh thôn, - 100% số thôn trong xã các hộ gia đình thu, xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
				tỉnh, cấp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; - Có điểm bưu điện văn hóa xã là điểm cung cấp xuất bản phẩm	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt	- Hệ thống quản lý văn bản điều hành; - 100% CBCC xã được trang bị máy tính kết nối mạng	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Có mạng wifi miễn phí tại UBND xã; khu TT VH học tập cộng đồng.	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥98%	2.683/2.683 hộ (100%)	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	≥72	81,4	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤1%	0%	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥85%	4.795/5.427 người (88,3%)	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥35%	2.185/5.427 người (40,3%)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 01 HTX	HTX Đông Xá, Tổ hợp tác Phong Năm	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận	≥ 01 Sản phẩm	trà cần tây lá sen, trà gạo lứt lá sen, trà búp ổi xạ đen..... của công ty TNHH Lam Phong đã có đơn đề nghị tham gia, đang làm hồ sơ chờ đánh giá.	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 01 mô hình	- 04/4 thôn có Mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu. - Thôn Đông Xá có mô hình quản lý sức khỏe cây trồng (được tập huấn và cấp chứng chỉ)	Đạt
		13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (nếu có)	Đạt	Không có sản phẩm chủ lực	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã (nếu có) được bán qua kênh thương mại điện tử	≥10%	Không có sản phẩm chủ lực	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (nếu có) được cấp mã vùng	Đạt	Không có sản phẩm chủ lực	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Không có điểm du lịch	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	Mô hình sản xuất trà cần tây lá sen, trà gạo lứt lá sen, trà búp ôi xạ đen..... của công ty TNHH Lam Phong.	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥96%	10.185/10.555 người (96,5%)	Đạt
		14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	10.555/10.555 đạt 100%.	Đạt
		14.3. Xã triển khai khám chữa bệnh từ xa	Đạt	925/1.394 đạt 66,35%	Đạt
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	5.417/10.555 đạt 51,21%	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Giải quyết thủ tục hành chính qua hệ thống cổng dịch vụ công quốc gia	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	(21 DVCTT toàn trình, 67 DVCTT một phần, 01 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến).	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	100% các thủ tục được giải quyết đúng hạn, mức độ hài lòng của người dân đạt 100%.	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Mô hình CCB vì dân thôn Phong Xá hoạt động có hiệu quả đã được UBND huyện khen năm 2023	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥90%	03/03 vụ (đạt 100%)	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Không có người dân nào cần trợ giúp pháp lý	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Không có	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	80/80 cơ sở	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥98%	16/16 tấn	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%	1.768/2.683 hộ (65,9%)	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	1.585/2.683 hộ (59,1%)	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	0,1/0,1 tấn (100%)	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	0,9/1,02 tấn (88,2%)	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥95%	40/40 cơ sở (100%)	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥20%	16/26 (61,5%)	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² /người	4,4m ² /người	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥90%	0,98/1,05 tấn (93,3%)	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống/công trình cấp nước tập trung	≥65%	1.782/2.683 hộ (66,4%)	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥80 lít	85 lít	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥45%	01 công trình (cụm Yên Trung-Đông Phong-Long Châu của công ty Viglacera)	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện/thị xã
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	100%	24/24 chủ thể (100%)	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm	Không	Không	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định	100%	26/26 cơ sở (100%)	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	2683/2683 hộ (100%)	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Không có	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Kế hoạch dân quân tự vệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các kế hoạch, quy chế phối hợp của lực lượng dân quân tự vệ với lực lượng công an; xây dựng các kế hoạch xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động; xây dựng văn kiện, quy chế kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương và các văn bản khác.	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng)	Đạt	Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên.	Đạt
		19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	- Mô hình “tổ liên gia an toàn PCCC”; - Mô hình “ Công trường ATGT” ; - Lắp đặt 40 mắt camera tại các trục đường chính, cửa ngõ ra vào địa bàn, các khu vực trọng yếu.	Đạt